TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN ĐỘNG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2022/DS-ST Ngày 15 - 11- 2022 V/v Tranh chấp lối đi	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quang Thái

2. Ông Lã Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động *tham gia phiên toà:* Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2021 về việc "Tranh chấp lối đi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS, ngày 18/10/2022 giữa các đương sự:

- *NgU đơn:* Ông Nguyễn Văn Nh – Sinh năm 1961, có mặt

Bà Vũ Thị V – sinh năm 1968, vắng mặt

Người đại diện của bà Vũ Thị V: ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1961 (cũng là ngU đơn trong vụ án), có mặt.

Địa chỉ: TDP TC, TT TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S - sinh năm 1967, vắng mặt

Địa chỉ: TDP TC, TT TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1) Ông Bàn Văn M, sinh năm 1974, vắng mặt
2) Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1994, vắng mặt
3) Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1997, vắng mặt
4) Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 2000, vắng mặt

Cùng địa chỉ: TDP TC, thị trấn TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

5) Ủy ban nhân dân thị trấn TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang

Do ông Phạm Văn Hảo, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn TYT đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 38/TB-UBND, ngày 29/8/2022), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo ngU đơn là ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V trình bày:

Ông Nguyễn Văn Nh trình bày: Gia đình ông có 03 thửa đất (02 thửa đất ruộng và 01 thửa đất thổ cư, đất vườn) ở khu vực Đồng Dều, Tổ dân phố TC, thị trấn TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình ông đã quản lý, sử dụng từ năm 1980 đến nay.

Quá trình quản lý, sử dụng đất, gia đình ông thường xU sử dụng lối đi là đường mòn giáp cạnh phía Bắc của hai thửa ruộng. Lối đi này có chiều rộng không đồng đều, chỗ hẹp nhất là 5m, chỗ rộng nhất khoảng 10 m, chiều dài lối đi là 59m. Lối đi có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp thửa đất lâm nghiệp của bà Nguyễn Thị S, phía Đông giáp đất thổ cư, đất trồng cây lâu năm của gia đình ông, phía Nam giáp 02 thửa đất ruộng của gia đình tôi, phía Tây giáp đường dân sinh.

Lối đi này là do gia đình ông tự mở trên phần đất cộng đồng từ năm 1980. Khi đó, chưa có ai được giao đất ở khu vực này. Gia đình sử dụng lối đi thường xU liên tục từ năm 1980 đến nay. Người dân trong thôn và chính quyền địa phương đều biết việc gia đình ông sử dụng lối đi đó.

Đầu năm 2020, bà Nguyễn Thị S là người có thửa đất lâm nghiệp liền kề cạnh phía Bắc lối đi (bà S nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Bàn Văn M, sinh năm 1974, địa chỉ TDP TC, thị trấn TYT) đã tiến hành trồng keo trên toàn bộ diện tích lối đi, đóng cọc bê tông sát bờ ruộng của gia đình ông, lấn chiếm toàn bộ lối đi nên gia đình ông không có lối đi vào 03 thửa đất của mình nữa.

Ông có đến gặp bà S yêu cầu bà S không được lấn chiếm lối đi nhưng bà S cho rằng thửa đất của bà S giáp với 02 thửa ruộng của gia đình ông nên bà S vẫn cố tình lấn chiếm.

Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S phải di chuyển toàn bộ số cây Keo trồng trên lối đi, tháo dỡ toàn bộ cọc bê tông ra khỏi diện tích lối đi để trả lại lối đi cho gia đình ông sử dụng.

Ban đầu ông xác định đoạn đường bị lấn chiếm có chiều rộng là 6m, chiều dài dài 59m, diện tích là 354m^2. Sau khi có kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định lối đi có tranh chấp theo chỉ dẫn của ông tại thực địa là 360m^2. Do vậy, ông xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị S phải trả lại diện tích lối đi là 360m^2 cho gia đình ông sử dụng làm lối đi vào thửa đất của gia đình mình.

Bà Vũ Thị V (là vợ ông Nh) trình bày thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn Nh.

Tài liệu, chứng cứ ông Nh, bà V giao nộp cho Tòa án gồm có 02 bản sao Giấy chứng minh nhân dân, 01 bản sao sổ hộ khẩu, 03 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ hòa giải của UBND TT TYT.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Gia đình bà có một thửa đất lâm nghiệp tại khu Đồng Dều, TDP TC, TT TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc thửa đất là do gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông Bàn Văn M từ năm 1994. Việc chuyển nhượng không lập thành văn bản nhưng bà đã thanh toán đầy đủ, ông Minh cũng đã bàn giao đất cho gia đình bà quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bàn Văn M, nhưng ông Minh chưa tách sổ cho bà nên bà không có tài liệu gì giao nộp cho Tòa án.

Khi nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Minh, ông Minh có chỉ rõ ranh giới thửa đất giáp với ruộng của ông Nguyễn Văn Nh. Thửa đất khi đó là đất rừng, cây cối um tùm, không có lối đi nào nằm giữa thửa đất của bà và thửa ruộng của ông Nh, bà V. Ban đầu canh tác trên đất, do ông Nh cấy lúa nên bà không trồng cây lâu năm ra sát bờ ruộng vì sợ ảnh hưởng tới ruộng lúa. Mấy năm trước ông Nh không cấy lúa nữa bà mới trồng keo ra sát bờ ruộng hết phần đất của bà. Ông Nh cho rằng bà lấn chiếm lối đi của ông Nh là không đúng. Nay ông Nh, bà V yêu cầu bà tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại lối đi có tranh chấp, bà không nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Bàn Văn M trình bày: Ông có một thửa đất ở khu ở khu Đồng Dều, TDP TC, thị trấn TYT, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 570594, cấp ngày 18/12/2006 mang tên Bàn Sinh Minh, thuộc lô K2,c khoảnh 11. Năm 1995, ông có chuyển nhượng một phần diện tích của thửa đất nêu trên cho bà Nguyễn Thị S. Việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, không có ai chứng kiến nhưng ông đã nhận đủ tiền từ bà S và cũng đã bàn giao đất cho bà S quản lý. Giữa hai bên không có tranh chấp với nhau về hợp đồng. Phần diện tích chuyển nhượng cho bà S vẫn chưa làm thủ tục tách sổ, sang tên cho gia đình bà S.

Giữa thửa đất của ông với 2 thửa ruộng của ông Nh có một lối đi nhỏ là đường đất, ông không xác định được kích thước cụ thể của lối đi. Gia đình ông Nh thường sử dụng lối đi này để đi vào thửa đất của mình. Khi chuyển nhượng một phần thửa đất cho bà S, ông có chỉ dẫn ranh giới cho bà S còn cách xa bờ ruộng ông Nh vài chục mét. Sau này bà S tự canh tác ra sát bờ ruộng của ông Nh nên hai bên mới xảy ra tranh chấp. Ông xác định diện tích lối đi này không nằm trong lô K2,C mà ông được cấp năm 1994. Ông Nh đã sử dụng lối đi này từ trước đó, bà S trồng cây lấn lên lối đi nên ông Nh không còn lối đi nào khác vào thửa đất của mình. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho gia đình ông Nh có lối đi.

Chị Nguyễn Thị A (con đẻ bà S) trình bày nhất trí với ý kiến của bà S, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ngU đơn.

Ủy ban nhân dân Thị trấn TYT trình bày: Thửa đất ở, đất trồng cây lâu năm của gia đình ông Nh có nguồn gốc là đất khai hoang từ những năm 1980. Thửa đất ruộng được hợp tác xã giao cho quản lý, sử dụng đã lâu. Để quản lý và sử dụng thửa đất của gia đình mình, gia đình ông Nh vẫn thường sử dụng lối đi men dọc theo bờ ruộng để đi vào. Lối đi này có một bên là ruộng, một bên lần lượt tiếp giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn Hải, bà Nguyễn Thị S (nhận chuyển nhượng của ông Bàn Văn M). Lối đi này là lối đi do các hộ dân có đất tiếp giáp với ruộng tự mở ra để cùng sử dụng chung, chỉ gia đình ông Nh và những hộ dân có đất liền kề sử dụng để đi vào thửa đất của mình, không phải là đất công cộng, không thuộc quyền quản lý của UBND thị trấn TYT.

Ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V khởi kiện yêu cầu bà S di dời tài sản trên đất để trả lại 360m^2 đất thuộc diện tích lối đi để gia đình ông sử dụng. UBND thị trấn TYT không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án để làm việc, tuy nhiên chị U, anh D đều không cung cấp ý kiến cho Tòa án, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của chị U, anh D.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2022 và biên bản ngày 25/7/2022 xác định kích thước lối đi có tranh chấp như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc dài 60,52m, tiếp giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị S;

- Cạnh hướng Đông Nam dài 6m, tiếp giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn Nh;

- Cạnh hướng Tây Nam, dài 60,82m, tiếp giáp với thửa đất ruộng của ông Nguyễn Văn Nh;

- Cạnh hướng Tây Bắc nối các điểm 1-2 dài 6,04m.

Diện tích lối đi có tranh chấp là 360m^2 hiện bà Nguyễn Thị S đang quản lý, sử dụng trồng keo. Trên đất có 114 cây Keo (cây có đường kính gốc từ 5cm - 7cm là 20 cây; cây có đường kính gốc từ 7 cm – 10cm là 94 cây) và 08 cọc bê tông cốt sắt fi 10, dài 01m, vuông 10cm là tài sản của bà Nguyễn Thị S.

Quá trình điều tra vụ án Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ, kết quả như sau:

- *Ông Nguyễn Văn Hòe khai:* Ông là trưởng thôn Thanh An, xã Thanh Sơn (nay là thôn TC, TT TYT giai đoạn 2006-2009, ông sinh sống thường xU, liên tục tại địa phương từ năm 1982 đến nay, ông không có quan hệ họ hàng gì với ông Nh, bà V, bà S. Gia đình ông Nh, bà V có 01 thửa đất ở, đất vườn và mấy đám ruộng ở khu Đồng Dều, TDP TC. Gia đình ông Nh đã canh từ những năm 1982 đến nay. Để

đi vào thửa đất của gia đình, ông Nh có sử dụng lối đi là đường mòn có một cạnh tiếp giáp với bờ ruộng, một cạnh tiếp giáp với thửa đất lâm nghiệp, lối đi này đã có từ lâu, người dân địa phương đều thừa nhận có lối đi này. NgU nhân xảy ra tranh chấp là do thửa đất bà S nhận chuyển nhượng của ông Minh có cạnh tiếp giáp với lối đi. Vài năm trước bà S trồng keo, cắm mốc giới ra sát bờ ruộng nhà ông Nh, gia đình ông Nh không còn lối đi vào thửa đất của mình nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Tại phiên tòa:

NgU đơn là ông Nguyễn Văn Nh vẫn giữ ngU yêu cầu khởi kiện, giữ ngU ý kiến như đã trình bày ở trên, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; ngU đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 170, của Luật Đất đai 2013; Điều 169, Điều 174, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6,26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả lại diện tích 360m^2 thuộc lối đi chung.

Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ tài sản trên 360m^2 đất thuộc lối đi chung gồm 114 cây keo và 08 cọc bê tông cốt sắt.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu 8.601.000đ (Tám triệu S trăm linh một nghìn đồng chẵn) chi phí thẩm định, định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị S phải hoàn trả ông Nh, bà V số tiền trên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: NgU đơn ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V khởi kiện tranh chấp lối đi chung đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị S. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các khoản 2 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S, người có quyền lợi liên quan chị Nguyễn Thị A, chị Nguyễn Thị U, anh Nguyễn Văn D, UBND TT TYT đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện tranh chấp lối đi chung của ngU đơn thấy:

NgU đơn ông Nh, bà V xác định gia đình có 01 thửa đất ở, đất vườn và 02 thửa đất ruộng tại khu vực Đồng Dều, TDP TC, TT TYT. Gia đình canh tác trên thửa đất đã từ rất lâu. Để đi vào thửa đất, gia đình ông sử dụng lối đi dọc theo bờ ruộng để vào thửa đất. Năm 2019, bà S trồng keo lấn chiếm hết lối nên ông, bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại 360m^2 diện tích lối đi cho ông bà.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình, ông Nh giao nộp cho Tòa án 03 bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 01 thửa đất ở, đất vườn và 02 thửa ruộng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S cho rằng thửa đất của gia đình có được là từ việc nhận chuyển nhượng của ông Bàn Văn M và được ông Minh chỉ dẫn thửa đất chuyển nhượng cho bà có cạnh tiếp giáp với ruộng của ông Nh và không có lối đi nào nằm giữa thửa đất của bà với thửa ruộng của ông Nh, bà không chấp nhận yêu cầu của ngU đơn. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày, bà S không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ý kiến của bà S về ranh giới thửa đất nhận chuyển nhượng và lối đi hoàn toàn trái ngược với ý kiến của ông Minh. Ông Minh, bà S đều xác nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Minh và bà S là hợp đồng miệng, không lập thành văn bản là vi phạm quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng dẫn đến hợp đồng vô hiệu không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bà S đối với thửa đất. Bà S cho rằng diện tích lối đi mà ông Nh, bà V yêu cầu nằm trong thửa đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử thấy rằng, gia đình ông Nh canh tác thửa đất tại khu vực Đồng Dều từ năm 1982, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc quản lý, sử dụng đất của ông Nh, bà V là hợp pháp, trước khi ông Minh được giao thửa đất lâm nghiệp thuộc lô K2c, ông Nh đã sử dụng lối đi nằm giữa thửa đất lâm nghiệp và bờ ruộng nhà ông Nh. Ý kiến này của ông Nh được ông Bàn Văn M (người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà S), UBND TT TYT và người dân thừa nhận. Như vậy có cơ sở khẳng định có lối đi nằm giữa thửa đất lâm nghiệp bà S nhận chuyển nhượng từ ông Minh và bờ ruộng nhà ông Nh.

Hộ gia đình ông Nh canh tác trên thửa đất từ năm 1982, bà S nhận chuyển nhượng và canh tác trên thửa đất từ năm 1995, quá trình sử dụng lối đi không có tranh chấp gì. Tranh chấp chỉ phát sinh từ năm 2020 khi bà S cố tình trồng Keo, chôn cột bê tông ra sát bờ ruộng nhà ông Nh, lấn chiếm hết lối đi. Hành vi của bà S

đã cản trở ông Nh, bà V sử dụng lối đi duy nhất vào thửa đất của mình. Hành vi của bà S là hành vi trái pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 10 Điều 12 Luật Đất đai và Điều 169 – Bộ luật dân sự. Nay ông Nh, bà V khởi kiện yêu cầu bà S phải tháo dỡ, di dời tài sản trên đất để trả lại lối đi cho ông, bà là có căn cứ, cần được xem xét, chấp nhận.

Về kích thước lối đi: Tài liệu, chứng cứ mà các bên cung cấp, kết quả xác minh tại địa phương, người làm chứng đều không xác định được kích thước cụ thể lối đi. Căn cứ vào ý kiến của ông Nh, bà V, ông Minh, HĐXX thấy rằng lối đi cạnh bờ ruộng mà ông Nh yêu cầu rộng 6m là phù hợp để đảm bảo nhu cầu đi lại và không ảnh hưởng tới hoạt động canh tác trồng lúa của gia đình ông Nh.

Về tài sản trên lối đi có tranh chấp gồm có 114 cây keo (cây có đường kính gốc từ 5cm - 7cm là 20 cây; cây có đường kính gốc từ 7 cm – 10cm là 94 cây) và 08 cọc bê tông cốt sắt đều là tài sản của bị đơn Nguyễn Thị S. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà S tự ý trồng keo trên lối đi với mục đích lấn chiếm lối đi, hành vi của bà S là vi phạm quy định của Luật Đất đai. Yêu cầu của ngU đơn đối với diện tích lối đi được chấp nhận, do đó cần buộc bà S phải tháo dỡ, di dời toàn bộ 114 cây Keo và 08 cọc bê tông ra khỏi lối đi có tranh chấp để trả lại lối đi cho ông Nh, bà V sử dụng.

[3] Về chi phí tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ngU đơn, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng thẩm định, định giá tài sản. Chi phí cho Hội đồng thẩm định, định giá tài sản hết 6.000.000đ, chi phí đo đạc hết 2.601.000đ, ông Nh đã nộp tiền tạm ứng, Hội đồng thẩm định, định giá đã chi phí và thanh toán xong với ông Nh. Do ông Nh, bà V tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên bà S không phải chịu khoản chi phí tố tụng trên.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Nh, bà V được chấp nhận nên bà S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 6, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 10 Điều 12, Điều 166, Điều 170, của Luật Đất đai 2013; Điều 169, Điều 174, Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả lại diện tích 360m^2 thuộc lối đi chung. Kích thước cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc nối các điểm 2-22-23-24-25-26-14 dài 60,52m, tiếp giáp với thửa đất của bà Nguyễn Thị S;

- Cạnh hướng Đông Nam nối các điểm 14-15 dài 6m, tiếp giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn Nh;

- Cạnh hướng Tây Nam nối các điểm 15-16-17-18-19-20-21-1, dài 60,82m, tiếp giáp với thửa đất ruộng của ông Nguyễn Văn Nh;

- Cạnh hướng Tây Bắc nối các điểm 1-2 dài 6,04m.

Diện tích lối đi có tranh chấp là Hình nối các điểm 1-2-22-23-24-25-26-14-15-16-17-18-19-20-21-1, diện tích là 360m^2.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc bà Nguyễn Thị S phải tháo dỡ, di rời toàn bộ tài sản gồm 114 cây keo (trong đó, cây có đường kính gốc từ 5cm - 7cm là 20 cây; cây có đường kính gốc từ 7 cm – 10cm là 94 cây) và 08 cọc bê tông cốt sắt ra khỏi diện tích 360m^2 đất thuộc lối đi chung.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V chịu 8.601.000đ (Tám triệu S trăm linh một nghìn đồng chẵn) chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận Ông Nguyễn Văn Nh, bà Vũ Thị V đã nộp đủ chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Vũ Thị V 150.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/007378 ngày 12/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Động.

Các đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tU án. Các đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 ,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận**:**
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ; VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hằng